TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 204/2025/HNGĐ-ST Ngày: 15-9-2025 *V/v: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thể

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc *"Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 147/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn H, xã S, huyện H (nay là xã H), tỉnh Hà Tĩnh; Hện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; (*Có ý kiến xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Cao Sỹ D, sinh năm: 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã S, huyện H (nay là xã H), tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Cao Sỹ D tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống khó khăn, bất đồng quan điểm, thiếu sự đồng cảm, chia sẻ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến năm 2016 thì chị T đưa con gái về sống cùng bố mẹ đẻ tại Thanh Hóa. Năm 2020, chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh D.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Sỹ H1, sinh ngày 07/3/2014 và cháu Cao Thị Thảo N, sinh ngày 05/9/2015. Theo chị T, từ năm 2016, chị và cháu N về ở với bố mẹ đẻ tại Thanh Hóa còn cháu Hoàng Ở với anh D. Nay chị T gần hết hợp đồng lao động và chuẩn bị về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu H1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cao Sỹ D đã được Toà án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến Toà án tham gia giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Do đó, nên Toà án không thu thập được ý kiến cũng như lời khai của anh D và không tiến hành hoà giải được.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Cao Văn P (bố đẻ của anh Cao Sỹ D), ông P có nội dung trình bày: Anh D đã nắm được thông tin chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tuy nhiên anh D đang đi làm nên không về tham gia giải quyết vụ án. Vợ chồng anh D có hai người con, hiện nay cháu N sống cùng mẹ và ông bà ngoại còn cháu Hoàng S cùng bố và ông bà nội. Ngoài ra, ông P sẽ tự nguyện thay anh D thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại kịp thời nội dung các văn bản cho anh D được biết.

Tại các văn bản trình bày, biên bản lấy lời khai con chung của Tòa án: Cháu Cao Sỹ H1 có nội dung trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với bố; Cháu Cao Thị Thảo N có nội dung trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ.

Tại Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hà Tĩnh, đại diện Ủy ban nhân dân xã cung cấp thông tin: Anh Cao Sỹ D và chị Vũ Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H (nay là xã H), tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống tại địa phương, việc vợ chồng anh D, chị T có mâu thuẫn gì hay không thì Ủy ban nhân dân xã H không nắm được vì vợ chồng không có báo cáo gì với chính quyền địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí, giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Cao Sỹ D.

Về con chung: Giao cháu Cao Sỹ H1, sinh ngày 07/3/2014 cho anh Cao Sỹ D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Cao Thị Thảo N, sinh ngày 05/9/2015 cho chị Vũ Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Vũ Thị T và anh Cao Sỹ D đăng ký kết hôn ngày 28/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H (nay là xã H), tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Cao Sỹ D. Tại công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 599/QLXNC-Đ1 ngày 14/5/2025 của Phòng Q – Công an tỉnh H, xác nhận: Chị Vũ Thị T, sinh ngày 06/4/1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 27/11/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Vũ Thị T có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Cao Sỹ D mặc dù đã được Tòa án thông báo làm việc, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh D không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị T, anh D theo thủ tục chung.

[2]. ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T và anh Cao Sỹ D tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là xã H), tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống khó khăn, bất đồng quan điểm, thiếu sự đồng cảm, chia sẻ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến năm 2016 thì chị T đưa cháu Cao Thị Thảo N về sống cùng bố mẹ đẻ tại Thanh Hóa. Năm 2020, chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Vũ Thị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa

án giải quyết cho ly hôn với anh Cao Sỹ D. Bị đơn anh Cao Sỹ D đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt các thông báo, quyết định theo quy định của pháp luật nhưng không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh D là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Cao Sỹ D.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Sỹ H1, sinh ngày 07/3/2014 và cháu Cao Thị Thảo N, sinh ngày 05/9/2015. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Cao Sỹ D không có ý kiến trình bày với Tòa án. Hiện nay cháu N đang ở cùng ông bà ngoại và có nội dung trình bày muốn được ở với mẹ, cháu H1 đang ở cùng ông bà nội và có nội dung trình bày muốn được ở với bố. Xét thấy chị T đang chuẩn bị về nước, bố mẹ đẻ của chị T có đơn trình bày về việc tự nguyện chăm sóc cháu N cho đến khi chị T về Việt Nam; các cháu H1, N đều đang sinh sống, phát triển ổn định về thể chất và tinh thần. Để không làm thay đổi, xáo trộn môi trường sống của các con, tạo điều kiện cho các con được phát triển ổn định, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Cao Sỹ H1, sinh ngày 07/3/2014 cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Cao Thị Thảo N, sinh ngày 05/9/2015 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như ý kiến của các bên. Chị T và anh D không phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Cao Sỹ D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Cao Sỹ H1, sinh ngày 07/3/2014 cho anh Cao Sỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Cao Thi

Thảo N, sinh ngày 05/9/2015 cho chị Vũ Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003803565 ngày 15/4/2025 ký bởi Công ty Cổ phần T1).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm – TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Hương Sơn, T. Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm – TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Hương Sơn, T. Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM